

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Công văn số 1273/UBND-NN ngày 24/4/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang; Công văn số 314/BNN-TCCB ngày 14/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo thực trạng tổ chức quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, báo cáo cụ thể như sau:

Phần 1

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ, GIAI ĐOẠN 2011-2016

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn của UBND cấp xã

1.1. Về nhiệm vụ, quyền hạn chung.

- Tổ chức và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Chỉ đạo kế hoạch sản xuất nông nghiệp, thủy sản, phát triển rừng hàng năm; tổ chức hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức huy động lực lượng và thực hiện phòng trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản; tổ chức thực hiện việc tu bổ, bảo vệ đê điều, bờ vùng, công trình và cơ sở hậu cần chuyên ngành, bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng và khắc phục hậu quả thiên tai hạn hán, bão, lũ, úng, lụt, sạt, lở, cháy rừng; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ đê điều, bảo vệ rừng, công trình và cơ sở hậu cần chuyên ngành tại địa phương.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ và mạng lưới thủy nông; giám sát, kiểm tra, bảo vệ việc sử dụng nước trong công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp; thống kê rừng, kiểm kê rừng, diễn biến tài nguyên rừng, diễn biến số lượng gia súc, gia cầm trên địa bàn cấp xã theo quy định; tổng hợp tình hình thực hiện tiến độ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Tổ chức việc khai thác và phát triển các ngành, nghề, làng nghề truyền thống nông thôn; ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất và phát triển các ngành, nghề mới trên địa bàn cấp xã.

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp xã theo quy định.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ công về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã.

- Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công tác thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã theo quy định.

1.2. Về nhiệm vụ cụ thể:

- Trồng trọt, bảo vệ thực vật: Thực hiện tốt công tác chỉ đạo sản xuất, xây dựng lịch canh tác, lịch thời vụ, cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ cho hộ nông dân và chỉ đạo sản xuất trong nông nghiệp, bám sát nhiệm vụ chuyển giao hiệu quả các tiến bộ KHKT mới giúp hộ nông dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi tăng giá trị thu hoạch trên đơn vị diện tích; kiểm tra, dự tính, dự báo kịp thời nắm bắt tình hình diễn biến sâu bệnh, thông báo, đôn đốc, hướng dẫn, tuyên truyền đến các thôn xóm và hộ nông dân.

- Chăn nuôi, thú y: Nắm bắt tình hình chăn nuôi trên địa bàn, thông báo lịch và trực tiếp tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm. Giám sát dịch bệnh đến tận hộ gia đình, có báo cáo định kỳ tình hình dịch bệnh về Trạm thú y huyện.

- Lâm nghiệp: Chỉ đạo việc trồng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ rừng và phát triển kinh tế rừng trên địa bàn.

- Giao thông thủy lợi: Hướng dẫn và kiểm tra các HTXNN, các thôn xóm tổ chức nạo vét khơi thông dòng chảy thông thoáng, thủy lợi nội đồng, điều hành tưới tiêu phục vụ sản xuất theo qui trình kỹ thuật thâm canh.

- Thủy sản: Chỉ đạo hướng dẫn mùa vụ chăn nuôi thủy sản, phòng chống dịch bệnh đối với cá nuôi...

- Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn:

+ Triển khai, thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và các loại hình kinh tế hợp tác khác; kinh tế hộ, trang trại trong nông nghiệp, nông thôn. Triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế hộ, kinh tế trang trại trong nông nghiệp, nông thôn.

+ Thực hiện các chương trình, dự án hoặc hợp phần của các chương trình, dự án về xóa đói giảm nghèo; xây dựng nông thôn mới; chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; chương trình 135...

- Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản: Tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn

nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp xã theo quy định. Phối hợp với Phòng Nông nghiệp huyện tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh vật tư nông nghiệp, thực phẩm, giết mổ...

2. Các hoạt động dịch vụ sự nghiệp.

2.1. Những nhiệm vụ/hoạt động dịch vụ công do UBND cấp xã tổ chức cung ứng, cụ thể:

- Lĩnh vực chăn nuôi, thú y: Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ tinh lợn, tinh bò ngoại; giới thiệu địa điểm, cửa hàng cung ứng tinh được hỗ trợ. Thanh toán kinh phí tiêm phòng. Chi hỗ trợ công tác điều tra, đánh giá chất lượng đàn lợn đực giống.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ trồng cây bóng mát, trồng cây phân tán.

- Lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, nước sạch nông thôn: Hỗ trợ sửa chữa, xây dựng công trình kênh, mương.

2.2. Những nhiệm vụ/hoạt động dịch vụ công đã được xã hội hóa, cụ thể:

- Lĩnh vực chăn nuôi, thú y: Cấp phát vắc xin tiêm phòng, hóa chất tiêu độc khử trùng chuồng trại được nhà nước hỗ trợ; Hỗ trợ phát triển trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: Hỗ trợ các mô hình như Mô hình Phát triển sản xuất nấm. Hỗ trợ mua giống cây trồng vụ đầu cho xây dựng cánh đồng mẫu lớn. Hỗ trợ phát triển thương hiệu và thực hiện quy hoạch các loại cây ăn quả như: Na Dai, Dứa, vải thiều... Hỗ trợ mô hình sản xuất hoa, sản xuất Na Dai, Dứa, Vải theo tiêu chuẩn VietGap, mô hình sản xuất Ngô. Hỗ trợ chiến dịch diệt chuột. Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lưới sản xuất rau an toàn...

Phần 2

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Ở CẤP XÃ VÀ CƠ CHẾ VẬN HÀNH

1. Thực trạng các mô hình, loại hình tổ chức quản lý ở cấp xã:

1.1. Mô hình tổ chức chung (gồm các lĩnh vực): Thống kê số lượng các loại mô hình/hình thức tổ chức tại cấp xã ở bảng sau:

| TT | Mô hình/hình thức tổ chức | Số lượng | Ghi chú |
|----|---|----------|---|
| 1 | Ban Nông nghiệp xã | 0 | 0 |
| 2 | Ban Chỉ đạo sản xuất | 205/231 | Mỗi xã thành lập 01 ban |
| 3 | Lãnh đạo xã (Chủ tịch, Phó Chủ tịch) trực tiếp điều hành Nhân viên kỹ thuật nông nghiệp | 231/231 | Mỗi xã phân công 01 đồng chí PCT UBND xã phụ trách |
| 4 | Hợp tác xã nông nghiệp | 312/231 | 07 HTX DVNN; 04 HTX Trồng trọt; 02 HTX chăn nuôi; 08 HTX thủy lợi; 02 HTX thủy sản và 03 HTX tổng hợp |
| 5 | Tổ hợp tác trong nông nghiệp | 453/231 | Có 12 THT liên thôn của 12 xã |

| | | | |
|---|--------------------------------|---|---|
| 6 | Ban, Tổ, Đội sản xuất khác,... | 0 | 0 |
|---|--------------------------------|---|---|

1.2. Mô hình tổ chức theo lĩnh vực: Thống kê số lượng các loại mô hình/hình thức tổ chức theo các lĩnh vực cụ thể:

| TT | Mô hình/hình thức tổ chức | Số lượng | Ghi chú |
|----|--|----------|---|
| 1 | Lĩnh vực chăn nuôi, thú y: Ví dụ như Ban chăn nuôi, thú y xã,... | 205 | Mỗi xã thành lập 01 ban thú y xã |
| 2 | Lĩnh vực trồng trọt, BVTV,... | 205 | Ban Chỉ đạo sản xuất phụ trách |
| 3 | Lĩnh vực lâm nghiệp: Ví dụ như Ban Lâm nghiệp xã, Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy rừng,... | 77 | Ban Chỉ đạo sản xuất phụ trách phát triển lâm nghiệp; Ban Chỉ huy PCTT-TKCN phụ trách PCCCR |
| 4 | Lĩnh vực thủy sản:.... | 30 | Cở sở sản xuất thủy sản |
| 5 | Lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai,... | 231 | Mỗi xã thành lập 01 Ban chỉ huy PCTT-TKCN |
| 6 | Lĩnh vực phát triển nông thôn,... | 203 | Ban Chỉ đạo XDNTM |

2. Tổ chức và hoạt động của các mô hình trong nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp xã:

2.1. Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp:

a) *Cấp quyết định thành lập:* Chủ tịch UBND cấp xã.

b) *Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp:*

- Giúp UBND cấp xã tổ chức và hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Tổng hợp, hướng dẫn kế hoạch sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn; hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyên đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch, huy động lực lượng và tổ chức thực hiện phòng, trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Tổ chức thực hiện việc tu bổ, bao vệ đê điều, đê bao, bờ vùng, công trình và cơ sở hậu cần chuyên ngành; Phòng cháy chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng và khắc phục hậu quả thiên tai, hạn hán, bão, lũ, úng, lụt, sạt lở, cháy rừng; Biện pháp ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ đê điều, bảo vệ rừng, công trình và cơ sở hậu cần chuyên ngành tại địa phương.

- Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát việc xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước sạch nông thôn và mạng lưới thủy nông; Việc sử dụng nước

trong công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp xã theo quy định.

- Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ công về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cử cố các tổ chức dân lập, tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công tác thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã theo quy định.

c) Cơ cấu thành phần: Trưởng ban (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND xã), Phó trưởng ban (là Phó Chủ tịch UBND xã hoặc cán bộ khuyến nông) và các thành viên gồm cán bộ thú y, lâm nghiệp (nếu có) giao thông thủy lợi, khuyến nông và thú y viên thôn bản. Có thể mời tham gia UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân xã.

d) Cơ chế, phương thức hoạt động:

- Tài chính sử dụng ngân sách xã cho công tác họp sơ, tổng kết;

- Chế độ thông tin báo cáo tổ chức định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu;

- Cơ chế quản lý, phối hợp công tác với UBND cấp xã, tổ chức Ngành, ban, ngành liên quan ở cấp xã: Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã là bộ phận chuyên môn giúp UBND xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn dưới sự chỉ đạo của UBND xã và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành của huyện. Tập trung chủ yếu vào các nhiệm vụ: xây dựng qui hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn ... và hướng dẫn chỉ đạo, điều hành thực hiện qui hoạch, kế hoạch đó. Sau khi thành lập Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã đã xây dựng quy chế hoạt động, phân công phân việc cho các thành viên và nhanh chóng đi vào hoạt động theo phương thức: Ban đảm nhận công tác xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp cụ thể là cơ cấu cây trồng, lịch thời vụ gieo cấy lúa hoa màu, kế hoạch tưới tiêu và biện pháp kỹ thuật thâm canh; chỉ đạo điều hành sản xuất thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất và hệ thống truyền thanh của xã, thông báo bản tin triển khai đến HTXNN, các trưởng thôn xóm và các hộ nông dân trên địa bàn xã; Ban đã tham mưu cho UBND xã ban hành các quyết định, thông báo và hướng dẫn để chỉ đạo và điều hành sản xuất.

đ) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp, bàn đối với những nhiệm vụ lớn, các chỉ tiêu kế hoạch phát triển nông nghiệp trên địa bàn và ký thay mặt Ủy ban nhân dân; đối với những vấn đề nhỏ, mang tính mùa vụ việc chỉ đạo triển khai, kiểm tra và huy động lực lượng... căn cứ phân công nhiệm vụ được giao cho cá nhân phụ trách trực tiếp chỉ đạo, triển khai.

e) Đánh giá hiệu quả hoạt động, thuận lợi, khó khăn, vướng mắc:

* Thuận lợi: Sau khi thành lập Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước của UBND xã đối với nông nghiệp và PTNT được thể hiện rõ nét hơn. Nhìn chung Ban các xã, thị trấn có nhiều cố gắng tham mưu cho UBND xã chỉ đạo, hướng dẫn và điều hành sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt một số nhiệm vụ theo qui định của Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của liên bộ Nông nghiệp và PTNT và bộ Nội vụ, điều phối hoạt động của các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn. Thành lập Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã là một bước đi đúng đắn và có hiệu quả, việc chỉ đạo điều hành và hướng dẫn sản xuất đã sâu sát và thực tế hơn các năm trước, đổi mới về quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn nên được các hộ sản xuất nông nghiệp đồng tình, nhất trí. Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã hoạt động có hiệu quả sẽ là tiền đề thúc đẩy HTXNN chuyển đổi hoạt động theo đúng luật HTX và góp phần xây dựng nông thôn mới.

* Một số khó khăn, tồn tại:

- Số lượng, chất lượng thành viên của Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp một số xã chưa đồng đều, nhất là về trình độ quản lý, kỹ thuật. Năng lực chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức sản xuất của cán bộ Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã nhìn chung còn hạn chế.

- Hoạt động của Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp một số xã, thị trấn chưa hiệu quả. Việc chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất cũng như công tác xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp còn chậm, nhiều việc chưa nắm được.

- Điều kiện làm việc, kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã còn khó khăn, kinh phí hoạt động dựa hoàn toàn vào kinh phí chi thường xuyên của xã. Nhiều xã có phó ban nhưng làm công tác kiêm nhiệm nên chưa tập trung nhiều cho công việc chính.

- Chế độ tuân thủ nộp báo cáo lên cấp trên của nhiều Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp chất lượng chưa đảm bảo, còn quá chậm chưa nghiêm túc.

2.2. Hợp tác xã nông nghiệp:

a) *Cấp quyết định thành lập:* Chủ tịch UBND cấp huyện.

b) *Nhiệm vụ của HTX nông nghiệp:*

- HTX nông nghiệp là một tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp tham gia vào các hoạt động kinh tế và đem lại lợi ích kinh tế cho thành viên. HTX nông nghiệp xây dựng theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

- HTX nông nghiệp là đầu mối cho các xã viên giúp đỡ tương trợ lẫn nhau trong phát triển sản xuất cũng như trong đời sống; trao đổi kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ giống mới, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, cung cấp thông tin và tiêu thụ sản phẩm, phát huy được nội lực của các thành viên trong việc huy động vốn để phục vụ sản xuất, tăng thu nhập cho thành viên. Đồng thời nêu cao vai trò trách nhiệm tự quản, ý thức quản lý của những người dân trực tiếp sản xuất.

c) *Cơ cấu thành phần gồm:* Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán, Ban kiểm soát và xã viên.

d) *Cơ chế, phương thức hoạt động:*

- Tài chính: Sử dụng vốn của các xã viên đóng góp;

- Chế độ thông tin báo cáo: Báo cáo tài chính theo năm;

- Cơ chế quản lý, phối hợp công tác với UBND cấp xã, tổ chức Ngành, ban, ngành liên quan ở cấp xã: Các HTX nông nghiệp đã phối hợp với chính quyền cấp xã cung cấp ứng các khâu dịch vụ cơ bản về SX nông nghiệp cho xã viên, hướng dẫn xã viên sản xuất theo quy hoạch, chỉ đạo SX đúng lịch thời vụ hàng năm.

đ) *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:* Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm định hướng tổ chức sản xuất và QLNN đối với các HTX trên địa bàn.

e) *Đánh giá hiệu quả hoạt động, thuận lợi, khó khăn:*

* *Thuận lợi:* Trong bối cảnh hiện nay, đất nước ta đang và sẽ tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, hội nhập kinh tế toàn diện. Với xu thế đó, HTX sẽ có nhiều cơ hội tiếp thu kinh nghiệm, sự hỗ trợ quý giá của các cấp, các ngành. Quá trình đổi mới, phát triển kinh tế tập thể đã hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, nhất là ở vùng nông thôn trong xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và xây dựng nông thôn mới. Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện phối hợp với Liên minh HTX và thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng đào tạo kết hợp phổ biến đến cán bộ, xã viên HTX trong huyện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về kinh tế tập thể như: Nghị quyết Hội nghị TW5 khóa IX về kinh tế tập thể; Chỉ thị 20/CT-TW 5 (Khóa IX); Luật HTX năm 2012; Nghị định 193/2013/NĐ-CP; Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT; Kết luận số 56 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Một số chính sách hỗ trợ, ưu đãi HTX đã được thực hiện như chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho HTX miễn giảm thuế... Công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện.

* *Những khó khăn, hạn chế:* Tuy đạt được những kết quả như đã nêu ở trên nhưng so với mục tiêu đề ra nhìn chung khu vực HTX phát triển còn chậm, chưa vững chắc, chất lượng chưa cao, chưa đạt được những chuyển biến mang tính đột phá, còn nhiều hạn chế, yếu kém chưa được khắc phục, đó là: Đa số HTX hoạt động trong lĩnh vực DVNN, DV nước, có quy mô nhỏ, mức độ tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh chưa cao nên tích lũy nội bộ để tái đầu tư phát triển còn hạn chế, số lượng HTX có lãi tăng nhưng mức lãi còn ít, đóng góp vào ngân sách Nhà nước còn thấp. Số lượng HTX yếu kém giảm chậm, lợi ích HTX mang lại cho thành viên chưa nhiều. Đối với các HTX nông nghiệp chủ yếu dịch vụ đầu vào cho sản xuất của hộ xã viên, dịch vụ đầu ra cho sản phẩm và phát triển ngành nghề còn ít, còn nhiều HTX làm dịch vụ được ít khâu trong các công đoạn sản xuất nông nghiệp. Một số HTX có điều kiện về vốn, thị trường vẫn còn ngại mở rộng ngành nghề kinh doanh, nhiều HTX thiếu vốn hoạt động, hạn chế việc tổ chức các dịch vụ sản xuất cho hộ xã viên. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn còn nhiều bất cập, thiếu ổn định, đa số chưa qua đào tạo, đào tạo

lại có hệ thống. Hoạt động của các HTX còn thiếu gắn bó với nhau, chưa có sự liên kết hệ thống cả về kinh tế, xã hội và tổ chức. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các HTX với nhau còn ít, nội dung hạn chế. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX đến từng HTX còn ít. Nhiều HTX chưa có trụ sở làm việc, chưa được cấp giấy CNQSD đất. Ở một số địa phương cán bộ HTX nông nghiệp thường biến động qua các kỳ Đại hội, mức thu nhập của cán bộ ban quản trị còn quá thấp nên chưa khuyến khích, động viên được sự nhiệt tình gắn bó với HTX. Số HTX thành lập mới qua mỗi năm càng hạn chế, số HTX giải thể chiếm một phần không nhỏ vì lý do khách quan hoặc chủ quan. Việc phát triển các hình thức hợp tác giản đơn còn mang tính tự phát.

2.3. Mô hình/hình thức tổ chức quản lý theo lĩnh vực (Ban Thú y xã, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN):

- Cấp quyết định thành lập: UBND xã
- Tổng hợp số lượng: 458 ban.
- Nhiệm vụ: Tùy theo chức năng, nhiệm vụ, mỗi ban có nhiệm vụ riêng.

+ Ban Thú y xã: Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, vận động người chăn nuôi thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; trực tiếp triển khai công tác tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho đàn vật nuôi và phun thuốc khử trùng tiêu độc khu vực chăn nuôi trên địa bàn xã.

Tham gia xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển và chuyển đổi cơ cấu vật nuôi (bao gồm cả thủy sản) trong sản xuất nông nghiệp. Tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách và chuyên môn nghiệp vụ về chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y. Tổng hợp, hướng dẫn kế hoạch phát triển chăn nuôi hàng năm, hướng dẫn nông dân về quy trình sản xuất, thực hiện các biện pháp kỹ thuật về chăn nuôi, thú y và chuyển đổi cơ cấu vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt. Tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình chăn nuôi, dịch bệnh động vật, đề xuất, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh và chữa bệnh cho động vật theo kế hoạch, hướng dẫn của Trạm Chăn nuôi và thú y huyện. Xây dựng kế hoạch, biện pháp huy động lực lượng và thực hiện hoặc phối hợp thực hiện nội dung được duyệt và hướng dẫn của Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện. Hướng dẫn thực hiện các quy định về phòng bệnh bắt buộc cho động vật, cách ly động vật, mua bán động vật, sản phẩm động vật, vệ sinh, khử trùng tiêu độc và việc sử dụng, thực hiện tiêm phòng vaccin phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn xã. Phối hợp thực hiện việc khử trùng, tiêu độc cho các cơ sở hoạt động liên quan đến công tác thú y, các phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật và phục hồi môi trường sau khi dập tắt dịch bệnh đối với thủy sản trên địa bàn xã theo quy định. Tham mưu giúp Chủ tịch UBND xã hướng dẫn hoạt động đối với hệ thống cung cấp dịch vụ công về chăn nuôi, thú y và cá nhân kinh doanh thuốc thú y. Thực hiện công tác khuyến nông về thú y theo kế hoạch được duyệt và các dịch vụ về thú y trên địa bàn xã theo quy định. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình dịch bệnh động vật, công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn xã cho Trạm Chăn nuôi và Thú y

huyện và UBND xã. Thực hiện nhiệm vụ về quản lý chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

+ Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã: Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật Phòng, Chống thiên tai và các quy định liên quan về phòng, chống thiên tai; Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Quản lý, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn; Xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn và tổ chức diễn tập theo phương án được phê duyệt; Tổ chức thực hiện việc dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, hóa chất xử lý nước, thuốc chữa bệnh, phòng dịch, phương tiện, vật tư và trang thiết bị theo phương châm bốn tại chỗ để chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra; Tổ chức thường trực, chỉ huy việc phòng tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn; Triển khai biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất; Tiếp nhận, quản lý, phân phối tiền, hàng cứu trợ khẩn cấp của Nhà nước, tổ chức và cộng đồng để ổn định đời sống, phục hồi sản xuất và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc truyền phát tin chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai của các cấp đến cộng đồng; Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trong phạm vi cấp xã; Kiểm tra, đôn đốc tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

- Cơ cấu thành phần:

+ Ban Thú y xã: Gồm Trưởng ban là cán bộ thú y xã, thành viên là các cán bộ thú y viên thôn bản.

+ Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã: Gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban; Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Phó Trưởng ban thường trực; Trưởng Công an xã và Xã đội trưởng làm Phó Trưởng ban; Các ủy viên là cán bộ giao thông thủy lợi, nông nghiệp, trưởng các tổ chức chính trị và đoàn thể của xã....

- Cơ chế hoạt động:

+ Ban Thú y xã thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã và chỉ đạo chuyên môn của Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện.

+ Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ và có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với BCH PCTT-TKCN huyện theo quy định. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin báo cáo kịp thời và đề xuất, tham mưu những vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiệt hại do sự cố thiên tai, tai nạn, thảm họa đối với UBND cấp xã. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ để triển khai thực hiện nhiệm vụ được

giao đối với các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan đóng trên địa bàn xã

- Vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong chỉ đạo, kiểm tra, điều phối/huy động lực lượng: Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện đối với các ban do xã thành lập.

Phần 3

NHÂN SỰ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHUNG VÀ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NHÂN VIÊN KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN CẤP XÃ

1. Khái quát về nhân sự, chế độ chính sách chung ở cấp xã ở địa phương:

1.1. Số lượng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay của địa phương:

| TT | Nội dung | Số người hiện có trên 01 xã loại 1 | Số người hiện có trên 01 xã loại 2 | Số người hiện có trên 01 xã loại 3 | Tổng số người hiện có trên toàn tỉnh |
|----|--|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Số lượng cán bộ, công chức cấp xã | 681 | 3.570 | 717 | 4.968 |
| 2 | Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã | 590 | 2.858 | 602 | 4.045 |
| 3 | Số lượng viên chức cấp xã | 27 | 175 | 29 | 231 |
| 4 | Số lượng viên chức Ngành giáo dục tính bình quân/01 xã | | | | 9.399 |
| 5 | Số lượng viên chức Ngành Y tế tính bình quân/01 xã. | | | | 7.000 |
| | Tổng số xã: | 27 | 175 | 29 | 231 |

1.2. Chế độ, chính sách: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Về tuyển dụng, tuyển chọn, quản lý, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá công chức, nhân viên kỹ thuật nông nghiệp xã:

2.1. *Tuyển dụng, tuyển chọn, quản lý, sử dụng, đánh giá:*

a) *Tiêu chuẩn tuyển dụng, tuyển chọn:* Thực hiện theo đề án vị trí việc làm. Nhân viên thú y phải có chuyên môn về chăn nuôi thú y, trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên. Khuyến nông viên phải có chuyên môn về nông nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên. Nhân viên thủy lợi là

cán bộ bán chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, một số chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

b) Thẩm quyền tuyển dụng, tuyển chọn, quản lý, sử dụng, trả lương, phụ cấp:

- Thẩm quyền tuyển dụng, tuyển chọn: Cán bộ thú y, khuyến nông do UBND huyện tuyển dụng. Nhân viên thủy lợi do UBND xã hợp đồng.

- Thẩm quyền quản lý, sử dụng: Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng.

- Thẩm quyền chi trả lương, phụ cấp, bảo hiểm: Việc chi trả lương, phụ cấp của cán bộ thú y do Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện chi trả; lương và phụ cấp của cán bộ khuyến nông do Trạm khuyến nông huyện chi trả; phụ cấp lương của nhân viên thủy lợi do UBND cấp xã chi trả.

c) Về đánh giá, phân loại:

- Cơ quan đánh giá, phân loại đối với từng loại nhân viên kỹ thuật nông nghiệp xã: Cán bộ thú y xã được Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện đánh giá phân loại dựa trên ý kiến của UBND xã và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Cán bộ khuyến nông xã được Trạm Khuyến nông huyện đánh giá phân loại dựa trên ý kiến của UBND xã và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; nhân viên thủy lợi do UBND xã đánh giá, phân loại.

- Hình thức đánh giá, phân loại thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo Luật Cán bộ Công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 và Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, TCCB.

Bản điện tử:

- Bộ NN&PTNT;

- Chủ tịch UBND tỉnh;

- Lãnh đạo sở.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Phụng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Phụ lục 1a:

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, NHÂN VIÊN KỸ THUẬT Ở CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 144/BC-SNN ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| TT | Huyện/thành phố | Tổng dân số | Tổng số hộ sản xuất nông, lâm, thủy sản (hộ) | Tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (Triệu đồng) | Diện tích đất trồng (ha) | Giá trị sản xuất trồng trọt (Triệu đồng) | Diện tích đất rừng, đất lâm nghiệp (ha) | Giá trị sản xuất lâm nghiệp (triệu đồng) | Diện tích đất sản xuất thủy sản (ha) | Giá trị sản xuất thủy sản (Triệu đồng) | Chăn nuôi | | Giá trị sản xuất chăn nuôi (triệu đồng) | Tổng số viên chức giáo dục (người) | Tổng số viên chức y tế (người) | Tổng số công chức, viên chức, nhân viên kỹ thuật/ huyện, thành phố (người) |
|-------------|-----------------|------------------|--|--|--------------------------|--|---|--|--------------------------------------|--|--------------------------------------|---|---|------------------------------------|--------------------------------|--|
| | | | | | | | | | | | Tổng gia súc: Trâu, bò, lợn... (con) | Tổng gia cầm: Gà, vịt, ngan, ngỗng... (con) | | | | |
| 1 | Sơn Động | 72.267 | | 681.100 | 5.134 | 1.596.674 | 47.797 | 140.005 | 156 | 29.740 | 65.132 | 673 | 281.650 | 1.562 | 129 | 516 |
| 2 | Lục Ngạn | 21.723 | | 9.526.296 | 9.432 | 8.601.984 | 41.446 | 183.221 | 994 | 49.296 | 155.924 | 1.863 | 691.795 | 3.279 | 219 | 641 |
| 3 | Lục Nam | 209.112 | | 23.651.366 | 27.027 | 22.594.572 | 26.381 | 180.710 | 1.697 | 195.759 | 105.057 | 1.853 | 680.325 | 2.747 | 196 | 607 |
| 4 | Yên Thế | 99.456 | | 6.108.558 | 7330 | 4.823.140 | 12529,00 | 198.898 | 1.015 | 140.280 | 105574 | 4763 | 946.240 | 1.567 | 137 | 438 |
| 5 | Lạng Giang | 199.106 | | 12.753.896 | 16.197 | 11.564.658 | 1.840 | 17.291 | 1.003 | 152.162 | 240.197 | 1.664 | 1.019.785 | 2.236 | 182 | 474 |
| 6 | Yên Dũng | 132.395 | | 11.810.931 | 15.217 | 11.504.052 | 1.541 | 8.157 | 1.011 | 137.942 | 88.357 | 700 | 160.780 | 1.721 | 145 | 469 |
| 7 | Tân Yên | 166.361 | | 14.928.158 | 15.330 | 13.567.050 | 1.143 | 18.382 | 1.353 | 260.366 | 239.901 | 2.165 | 1.082.360 | 2.143 | 171 | 522 |
| 8 | Việt Yên | 167.129 | | 11.374.870 | 13.220 | 10.655.320 | 1.182 | 7.115 | 1.075 | 135.450 | 130.705 | 851 | 576.985 | 2.104 | 129 | 410 |
| 9 | Hiệp Hòa | 225.267 | | 16.777.483 | 18.295 | 15.697.110 | 185 | 14.952 | 1.058 | 201.386 | 42.621 | 1.789 | 864.035 | 2.631 | 207 | 556 |
| 10 | TP BG | 153.015 | | 3.476.901 | 3.996 | 3.132.864 | 160 | 363 | 590 | 122.134 | 59.072 | 265 | 221.540 | 1.723 | 102 | 335 |
| Cộng | | 1.445.831 | 0 | 111.089.559 | 131.178 | 103.737.424 | 134.204 | 769.094 | 9.952 | 1.424.515 | 1.232.540 | 16.586 | 6.525.495 | 21.713 | 1.617 | 4.968 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Phụ lục 1b:

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NHÂN VIÊN KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP Ở CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 14/HBC-SNN ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| TT | Huyện/thành phố | Tổng số công chức, viên chức, nhân viên kỹ thuật/huyện; thành phố (người) | Số lượng theo từng chuyên ngành, lĩnh vực (người) | | | | | | | | | | Trình độ chuyên môn (%) | | | | | |
|-------------|-----------------|---|---|--|---------------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------|--------------------|--------------------|---|-------------------------|-------------------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|
| | | | Công chức chuyên trách về nông nghiệp và XD NTM | Công chức kiêm nhiệm có giao nhiệm vụ về nông nghiệp | Nhân viên trồng trọt, bảo vệ thực vật | Nhân viên thú y/chăn nuôi thú y | Khuyến nông viên | Kiểm lâm địa bàn | Nhân viên thủy lợi | Nhân viên thủy sản | Nhân viên quản lý chất lượng nông, lâm thủy sản | Nhân viên khác (nếu có) | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | Chưa đào tạo |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| 1 | Sơn Động | 516 | 0 | 0 | 0 | 23 | 22 | 21 | 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 35 | 19 | 15 | 1 | 5 |
| 2 | Lục Ngạn | 641 | 0 | 0 | 0 | 30 | 31 | 19 | 17 | 0 | 0 | 0 | 2 | 62 | 21 | 7 | 3 | 2 |
| 3 | Lục Nam | 607 | 0 | 0 | 0 | 27 | 27 | 18 | 14 | 0 | 0 | 0 | 1 | 67 | 5 | 5 | 2 | 6 |
| 4 | Yên Thế | 438 | 0 | 0 | 0 | 21 | 19 | 12 | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 | 28 | 21 | 11 | 2 | 0 |
| 5 | Lạng Giang | 474 | 0 | 0 | 0 | 23 | 20 | 8 | 18 | 0 | 0 | 0 | 1 | 33 | 11 | 20 | 4 | 0 |
| 6 | Yên Dũng | 469 | 0 | 0 | 0 | 21 | 21 | 6 | 21 | 0 | 0 | 0 | 2 | 36 | 9 | 13 | 5 | 4 |
| 7 | Tân Yên | 522 | 0 | 0 | 0 | 24 | 21 | | 22 | 0 | 0 | 0 | 0 | 40 | 19 | 5 | 3 | 0 |
| 8 | Việt Yên | 410 | 0 | 0 | 0 | 19 | 19 | 8 | 17 | 0 | 0 | 0 | 0 | 29 | 7 | 12 | 4 | 3 |
| 9 | Hiệp Hòa | 556 | 0 | 0 | 0 | 26 | 25 | | 24 | 0 | 0 | 0 | 1 | 36 | 21 | 12 | 5 | 0 |
| 10 | TP BG | 335 | 0 | 0 | 0 | 16 | 16 | 6 | 6 | 0 | 0 | 0 | 2 | 31 | 9 | 2 | 0 | 0 |
| Cộng | | 4.968 | 0 | 0 | 0 | 230 | 221 | 98 | 158 | 0 | 0 | 0 | 9 | 397 | 142 | 102 | 29 | 20 |